|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số:  /2022/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày   tháng   năm 2022* |
|  |  |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.*

**Điều 1**. **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Vùng biển ven bờ có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý.

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được tính toán, xác định trên cơ sở các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều, hiện trạng bờ biển tại thời điểm xác định. Đối với các cửa sông, cửa đầm, phá, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được khép kín bằng cách xác định vị trí điểm đầu và điểm cuối của hai đoạn gián đoạn liên tiếp, thực hiện nối hai điểm đã xác định nêu trên để tạo ra đường liên tục. Đối với khu vực đường bờ tự nhiên có độ dốc lớn, đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được xác định tại vị trí sườn núi giao cắt với mực nước biển tại thời điểm xác định. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm.

Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định và công bố các điểm có giá trị đặc trưng mực nước triều; xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất của các huyện đảo. Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển xác định và công bố đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đảo thuộc phạm vi quản lý trừ các đảo có diện tích lớn nhất của các huyện đảo.

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được ổn định trong 10 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công bố, trừ trường hợp được điều chỉnh sau khi dự án lấn biển hoàn thành theo quy định của pháp luật về lấn biển. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển thực hiện rà soát, xác định, đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý, bổ sung, cập nhật đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm phần đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo sau khi thực hiện xong hoạt động lấn biển theo quy định của pháp luật về lấn biển; chỉnh lý, cập nhật đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đảo thuộc phạm vi quản lý trừ các đảo có diện tích lớn nhất của các huyện đảo sau khi thực hiện xong hoạt động lấn biển theo quy định của pháp luật về lấn biển.

Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển rà soát, chỉnh lý, bổ sung, cập nhật 10 năm một lần đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo thẩm quyền.”

2. Bổ sung Điều 39a vào sau Điều 39 như sau:

“**Điều 39a. Điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển**

1. Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được xem xét, điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Do yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

b) Điều chỉnh cho phù hợp với Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Có sự biến động lớn về đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm ở khu vực thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển; do tác động của thiên tai hoặc các trường hợp bất khả kháng mà hành lang bảo vệ bờ biển đã được thiết lập không còn đáp ứng các mục tiêu, yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

d) Thay đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh có biển có trách nhiệm lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan, thống nhất với Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi phê duyệt điều chỉnh Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 55 như sau:

**“Điều 55. Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển**

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị giao, trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 và điểm e khoản 5 Điều 54 như sau:

“đ) Sơ đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.”

“e) Sơ đồ khu vực biển trong trường hợp có sự thay đổi về ranh giới, diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.”

**Điều 2**. **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 2 như sau:

“b) Trường hợp pháp luật chuyên ngành không quy định hình thức giấy phép thì văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển là một trong các hình thức văn bản: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật; quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản; văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; văn bản khác cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật.”

2. Bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:

“4. Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền và đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo.

Đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý của đất liền và đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo được ổn định trong 10 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công bố, trừ trường hợp được điều chỉnh khi điều chỉnh đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm sau khi dự án lấn biển hoàn thành theo quy định của pháp luật về lấn biển.

Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, chỉnh lý, bổ sung, cập nhật 10 năm một lần đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý phần đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo sau khi điều chỉnh đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, d và điểm đ khoản 4 Điều 5 như sau:

“b) Khu vực biển đề xuất sử dụng phải bảo đảm khi thực hiện hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển không ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái biển, nguồn lợi thủy sản; không ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;không có tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước theo quy định của pháp luật;

d) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của mình sau khi lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ quản lý chuyên ngành hoạt động sử dụng khu vực biển và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển về các nội dung quy định tại điểm a, b và c khoản này trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển có trách nhiệm xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu vực biển đối với trường hợp thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của mình sau khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ quản lý chuyên ngành hoạt động sử dụng khu vực biển về các nội dung quy định tại điểm a, b và c khoản này trong quá trình thẩm định hồ sơ đề nghị giao khu vực biển.”

4. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

**“Điều 6a. Các hoạt động không phải thực hiện giao khu vực biển**

1. Các hoạt động sau đây không phải thực hiện giao khu vực biển, không phải thực hiện chấp thuận hoạt động sử dụng khu vực biển:

a) Hoạt động khai thác thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật về thủy sản;

b) Hoạt động khắc phục hậu quả trực tiếp do thiên tai, sự cố môi trường gây ra trên biển;

c) Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành trong vùng biển Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định tại Điều 19 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

d) Hoạt động thăm dò dầu khí; hoạt động nạo vét (tại khu vực thực hiện nạo vét) theo quy định của pháp luật;

đ) Hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát trên biển do cơ quan nhà nước thực hiện.

2. Các hoạt động sau đây không phải thực hiện giao khu vực biển nhưng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động sử dụng khu vực biển:

a) Hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân Việt Nam trừ trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học sử dụng khu vực biển cố định và trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận bằng văn bản theo quy định tại Điều 27b Nghị định này.

Trên một khu vực biển có thể chấp thuận cho nhiều tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển nhưng không được mâu thuẫn, xung đột với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành và hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển của tổ chức, cá nhân khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Thời hạn chấp thuận thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển không quá 05 năm.

4. Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động sử dụng khu vực biển có các nghĩa vụ:

a) Không được tiến hành hoạt động khác ngoài các hoạt động theo nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn hàng hải; thiết lập khu vực an toàn hàng hải xung quanh các phương tiện, thiết bị; báo hiệu hàng hải; duy trì liên lạc và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về hàng hải;

c) Không được làm ảnh hưởng đến hoạt động quốc phòng, an ninh và các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp trong vùng biển Việt Nam; không được mang vào vùng biển Việt Nam vũ khí, vật liệu nổ, hóa chất độc, các phương tiện, thiết bị khác có khả năng gây thiệt hại đối với người, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường biển, trừ trường hợp vật liệu nổ, hóa chất độc được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho phép sử dụng để thực hiện hoạt động;

d) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam trong trường hợp hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển, hải đảo;

đ) Sau khi kết thúc hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển, tổ chức, cá nhân phải gửi báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển (cơ quan đã chấp thuận hoạt động); trong thời hạn không quá 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng, phải hoàn thành việc tháo dỡ các phương tiện, thiết bị đã sử dụng, lắp đặt tại khu vực biển. Báo cáo kết quả phải bao gồm các nội dung chính: các hoạt động đã tiến hành; nêu rõ vị trí khoan, lấy mẫu, phương thức lấy mẫu, loại mẫu (nếu có); thông tin, dữ liệu đã thu thập, xử lý; những sản phẩm, kết quả quan trọng thu được từ các hoạt động;

e) Tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“**Điều 8. Thẩm quyền giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; thu hồi khu vực biển**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định giao khu vực biển trong các trường hợp dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Khu vực biển giao cho tổ chức, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên biển thuộc thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư của của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Khu vực biển liên vùng; khu vực biển có phạm vi nằm ngoài vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo;

c) Khu vực biển do nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị giao để thực hiện các dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

d) Khu vực biển sử dụng để nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển quyết định giao khu vực biển trong các trường hợp dưới đây, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này:

a) Khu vực biển nằm trong phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo;

b) Khu vực biển sử dụng để nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo.

Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại khoản này không quá 01 ha.

4. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển nào thì có thẩm quyền công nhận, gia hạn; sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, cho phép trả lại, thu hồi khu vực biển đó.”

6. Bổ sung quy định khoản 4 Điều 10 như sau:

“4. Tổ chức, cá nhân được công nhận khu vực biển thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định tại Nghị định này.”

7. Sửa đổi, bổ sung quy định điểm c khoản 1 Điều 13 như sau:

“c) Tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển (chỉ được thực hiện khi khu vực biển đó đã được đầu tư theo dự án), thay đổi nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, chấp thuận, điều chỉnh theo quy định của pháp luật đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp;”

8. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 16 như sau:

“c) Trong trường hợp chưa có các quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ quản lý chuyên ngành hoạt động sử dụng khu vực biển và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ quản lý chuyên ngành hoạt động sử dụng khu vực biển. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý. Thời gian lấy ý kiến không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp chưa có các quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này nhưng tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật thủy sản trong vùng biển 06 hải lý và vùng biển liên vùng thì không phải thực hiện thủ tục lấy ý kiến quy định tại điểm này;”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này; văn bản cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này.”

10. Bổ sung Điều 27a vào sau Điều 27 như sau:

“**Điều 27a. Bàn giao khu vực biển trên thực địa**

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định giao khu vực biển có hiệu lực, cơ quan đã thẩm định hồ sơ giao khu vực biển quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này có trách nhiệm tiến hành bàn giao khu vực biển trên thực địa. Trường hợp vì lý do khách quan chưa thể thực hiện, cơ quan đã thẩm định hồ sơ giao khu vực biển phải có văn bản gửi tổ chức, cá nhân nhưng việc bàn giao khu vực biển trên thực địa không chậm quá 45 ngày kể từ ngày Quyết định giao khu vực biển có hiệu lực.

2. Trước khi tiến hành bàn giao khu vực biển trên thực địa, cơ quan đã thẩm định hồ sơ giao khu vực biển gửi văn bản thông báo thời gian tiến hành bàn giao cho tổ chức, cá nhân.

3. Nội dung bàn giao khu vực biển trên thực địa bao gồm việc xem xét, kiểm tra hiện trạng khu vực biển; xem xét, kiểm tra vị trí, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển trên thực địa.

4. Biên bản bàn giao khu vực biển trên thực địa theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Nghị định này.”

11. Bổ sung Điều 27b vào sau Điều 27a như sau:

“**Điều 27b. Chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển**

1. Thẩm quyền chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên khu vực biển có phạm vi nằm ngoài vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo; khu vực biển liên vùng; khu vực biển do nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển chấp thuận các hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Sau khi chấp thuận, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển có trách nhiệm gửi văn bản chấp thuận các hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; hình thức tiếp nhận, trả kết quả giải quyết hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Nghị định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển

a) Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân, hợp đồng liên kết (nếu có);

c) Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị sử dụng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Nội dung Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển bao gồm những nội dung chính sau đây:

a) Thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển; thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân (nhà thầu, tư vấn...) trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển (trong đó bao gồm thông tin về năng lực, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan và năng lực về tài chính);

b) Mục đích hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển;

c) Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển (chi tiết cho từng hạng mục);

d) Phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có);

đ) Thời hạn sử dụng khu vực biển thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển (lịch trình chi tiết cho từng hạng mục);

e) Mô tả chi tiết các hoạt động khảo sát địa vật lý, khảo sát địa kỹ thuật; vị trí, số lượng, phương thức lấy mẫu, loại mẫu thực hiện (nếu có);

g) Vị trí, tạo độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có); mô tả chi tiết phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường sau khi khoan;

g) Tác động đến môi trường và giải pháp khắc phục;

h) Dự kiến thông tin, dữ liệu thu thập; phương thức thu thập, lưu trữ, truyền thông tin, dữ liệu; việc sử dụng thông tin, dữ liệu thu thập được;

i) Dự kiến mục đích hoạt động và diện tích khu vực biển sử dụng tiếp sau đó (nếu có).

5. Trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ đề nghị hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Điều 25 Nghị định này; cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này;

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ quản lý chuyên ngành hoạt động sử dụng khu vực biển và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ quản lý chuyên ngành hoạt động sử dụng khu vực biển. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản, trường hợp quá thời hạn mà không có văn bản trả lời thì coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý và cơ quan được lấy ý phải chịu trách nhiệm về các nội dung, vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý;

c) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến quy định tại điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc thẩm định hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 6 Điều này.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được xem xét, chấp thuận, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để chấp thuận, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

d) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được xem xét, chấp thuận, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định có trách nhiệm trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

đ) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, ký văn bản chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển. Trường hợp hồ sơ không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ để nhận kết quả.

6. Nội dung thẩm định hồ sơ chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển:

a) Tính đầy đủ về hình thức, thành phần, nội dung và tính chính xác của thông tin trong hồ sơ;

b) Sự phù hợp giữa mục đích và nội dung của hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển;

c) Sự phù hợp của khu vực biển đề nghị hoạt động với quy hoạch quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này; trường hợp chưa có quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với nội dung quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

d) Những mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động dự kiến thực hiện với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp và hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển của tổ chức, cá nhân khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đang được phép tiến hành trong khu vực biển (nếu có);

đ) Các giải pháp bảo vệ môi trường khi hoạt động ở khu vực biển đề nghị chấp thuận sử dụng;

e) Hoạt động dự kiến thực hiện không ảnh hưởng đến nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

7. Văn bản chấp thuận gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được chấp thuận;

b) Mục đích hoạt động được chấp thuận sử dụng khu vực biển;

c) Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển;

d) Phương tiện, thiết bị, vật liệu nổ, hóa chất được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan được phép thực hiện (nếu có);

đ) Thời hạn được hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển;

e) Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân;

g) Hiệu lực thi hành;

h) Các nội dung khác có liên quan.

8. Trong quá trình hoạt động theo văn bản đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân không được thay đổi các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều này. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh, thay đổi những nội dung được chấp thuận hoạt động quy định tại điểm c, d và điểm đ khoản 7 Điều này, tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị và việc tiếp nhận, giải quyết theo quy định tại Điều này.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 28 như sau:

“d) Sau 24 tháng liên tục kể từ ngày Quyết định giao khu vực biển có hiệu lực mà tổ chức, cá nhân không sử dụng một phần hoặc toàn bộ khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển trừ trường hợp bất khả kháng hoặc có lý do chính đáng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật; không nộp đầy đủ tiền sử dụng khu vực biển quá thời hạn 24 tháng liên tục và đã bị xử phạt vi phạm hành chính mà không chấp hành;”

13. Bổ sung khoản 7a Điều 31 như sau:

“7a. Các hoạt động không phải thực hiện giao khu vực biển theo quy định tại Điều 6a Nghị định này.”.

14. Bổ sung Điều 31a vào sau Điều 31 như sau:

“**Điều 31a. Miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển**

1. Các trường hợp xem xét miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển được xem xét miễn tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp bị ảnh hưởng trực tiếp của chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;

b) Giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển đối với người có công với cách mạng, hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao khu vực biển, công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản. Người có công với cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng. Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được giảm tiền sử dụng khu vực biển phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; vùng biên giới, hải đảo theo quy định của pháp luật về Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo. Việc xác định hộ nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chính phủ;

c) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển được xem xét giảm tiền sử dụng khu vực biển trong trường hợp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh, thiên tai, sự cố môi trường cấp tỉnh và cấp quốc gia, sự cố tràn dầu trên biển cấp khu vực và cấp quốc gia, sự cố hóa chất độc trên biển cấp khu vực và cấp quốc gia hoặc các trường hợp bất khả kháng khác mà không phải do lỗi của tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển. Số tiền sử dụng khu vực biển được xem xét giảm không vượt quá 50% tổng số tiền khu vực biển phải nộp theo quy định.

2. Thẩm quyền, hồ sơ trình tự, thủ tục xem xét, xác định và quyết định số tiền sử dụng khu vực biển được miễn, giảm đối với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này:

a) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị xem xét miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển đến Cục thuế nơi có hoạt động sử dụng khu vực biển. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển; Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển (bản sao có chứng thực) quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; bản sao có chứng thực Quyết định giao khu vực biển đã được cấp; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, trong đó nêu rõ việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm nộp hồ sơ, lý do đề nghị xem xét miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Căn cứ vào hồ sơ, giấy tờ chứng minh thuộc các trường hợp, đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận ddue hồ sơ theo quy định, Cục trưởng Cục thuế ban hành quyết định số tiền sử dụng khu vực biển được miễn, giảm.

3. Thẩm quyền, hồ sơ trình tự, thủ tục xem xét, xác định và quyết định số tiền sử dụng khu vực biển được giảm đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này:

a) Theo thẩm quyền giao khu vực biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giảm tiền sử dụng khu vực biển cho các tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển;

b) Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền sử dụng khu vực biển đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị giảm tiền sử dụng khu vực biển; bản sao có chứng thực Quyết định giao khu vực biển đã được cấp; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển, trong đó nêu rõ việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm nộp hồ sơ, lý do đề nghị giảm tiền sử dụng khu vực biển; Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng khu vực biển (nếu có). Hình thức tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

c) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ lập phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho cơ quan thẩm định hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này;

d) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quyết định giảm tiền sử dụng khu vực biển và mức giảm tiền sử dụng khu vực biển;

đ) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giảm tiền sử dụng khu vực biển và mức giảm tiền sử dụng khu vực biển;

e) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ để nhận kết quả. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không đồng ý giảm tiền sử dụng khu vực biển, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do trong văn bản trả lời tổ chức, cá nhân. Trường hợp được xem xét giảm tiền sử dụng khu vực biển, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cục thuế nơi có hoạt động sử dụng khu vực biển để thực hiện giảm tiền sử dụng khu vực biển cho tổ chức, cá nhân.”

15. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 34 như sau:

“b) Sử dụng khu vực biển để làm cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí ngoài khơi và các cảng, bến khác; làm vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, luồng hàng hải chuyên dùng, các công trình phụ trợ khác; vùng nước phục vụ hoạt động của cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu thuyền, xây dựng cảng tàu vận tải hành khách; vùng nước phục vụ hoạt động nhà hàng, khu dịch vụ vui chơi, giải trí, thể thao trên biển; xả nước làm mát cho các nhà máy; khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; khai thác dầu khí; khai thác khoáng sản; trục vớt hiện vật, khảo cổ (nhóm 2): từ 6.500.000 đồng/ha/năm đến 7.500.000 đồng/ha/năm;”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 36 như sau:

“1. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao khu vực biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ vào số tiền sử dụng khu vực biển đã ghi trong Quyết định giao khu vực biển, Cục thuế nơi có hoạt động sử dụng khu vực biển ban hành thông báo nộp tiền sử dụng khu vực biển gửi tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển.

Chậm nhất là ngày 30 tháng 4 hàng năm, cơ quan thuế ban hành thông báo nộp tiền của các năm tiếp theo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp nộp tiền sử dụng khu vực biển theo hình thức trả tiền hàng năm.

Chậm nhất trước 30 ngày đến thời hạn nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo nộp tiền của kỳ hạn nộp tiền sử dụng biển tiếp theo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp nộp tiền sử dụng khu vực biển theo hình thức trả tiền một lần trong 05 năm.

Việc nộp tiền sử dụng khu vực biển để nhận chìm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định này.”

17. Bổ sung khoản 5 Điều 36 như sau:

“5. Trường hợp khu vực biển liên vùng có phạm vi thuộc hai hay nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển, tiền sử dụng khu vực biển được thu nộp vào ngân sách nhà nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển tương ứng với phần diện tích khu vực biển thuộc phạm vi của mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 39 như sau:

“4. Rà soát, chỉnh lý, bổ sung, cập nhật đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm phần đất liền và các đảo có diện tích lớn nhất thuộc các huyện đảo; đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý 10 năm một lần.”

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 42 như sau:

“2. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cung cấp hải đồ theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường để phục vụ công tác giao khu vực biển và quản lý việc sử dụng khu vực biển, trừ những khu vực biển sử dụng vào mục đích quốc phòng, trong khu vực quân sự.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc quy định tại Nghị định này, Bộ Quốc phòng quy định cụ thể việc sử dụng khu vực biển thuộc lĩnh vực quốc phòng, trong khu vực quân sự. Việc sử dụng khu vực biển thuộc lĩnh vực quốc phòng, trong khu vực quân sự không phải nộp tiền sử dụng biển. Nội dung quy định phải bao gồm cơ chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng của Bộ Quốc phòng với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

20. Bổ sung khoản 3a Điều 42 như sau:

“3a. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc quy định tại Nghị định này, Bộ Công an quy định cụ thể việc sử dụng khu vực biển thuộc lĩnh vực an ninh. Việc sử dụng khu vực biển thuộc lĩnh vực an ninh không phải nộp tiền sử dụng biển. Nội dung quy định phải bao gồm cơ chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng của Bộ Công an với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này.”

**Điều 3. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển**

1. Bỏ cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

2. Bổ sung, thay thế một số phụ lục sau đây:

a) Thay thế Mẫu số 10 Bản đồ khu vực biển sử dụng để nhận chìm tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo bằng Mẫu số 09 Sơ đồ khu vực biển ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

b) Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01, Mẫu số 05, Mẫu số 09 và bổ sung Mẫu số 12 (Văn bản chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát trên biển), Mẫu số 13 (Biên bản bàn giao khu vực biển trên thực địa) vào Phụ lục Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (ban hành kèm theo Nghị định này).

3. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Bãi bỏ Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

b) Bãi bỏ điểm e khoản 4 Điều 5, khoản 4 Điều 9, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

c) Bãi bỏ Mẫu số 09 Bản đồ khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm và Mẫu số 10 Bản đồ khu vực biển sử dụng để nhận chìm tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

d) Bãi bỏ Mẫu số 11 Thông báo về việc nộp tiền sử dụng khu vực biển tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

**Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2022.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Trong trường hợp đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của các đảo chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định thì lấy đường mép nước biển thấp nhất tại thời điểm kiểm kê đất đai được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật để xác định phạm vi các khu vực biển, vùng biển;

b) Khi đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm, đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý được điều chỉnh theo quy định, tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển có nhu cầu trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì việc xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết và tiền sử dụng khu vực biển phải nộp thực hiện theo đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, vùng biển 06 hải lý đã được điều chỉnh, thay đổi.

Khi đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh theo quy định dẫn đến thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trước đó, trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm điều chỉnh được công bố, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giao khu vực biển thực hiện điều chỉnh diện tích khu vực biển, cấp mới Quyết định giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân; cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất thực hiện việc xác định diện tích, tiến hành giao, cho thuê đất hoặc điều chỉnh văn bản giao đất, cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân đối với phần diện tích đất nằm phía trong đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm.

c) Trong khi ranh giới phân định quản lý hành chính trên biển chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành, việc xác định khu vực biển liên vùng có phạm vi thuộc hai hay nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển căn cứ biên bản thỏa thuận phân định ranh giới quản lý hành chính trên biển giữa các tỉnh đã được thực hiện theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án “Hoàn thiện, hiện đại hoá hồ sơ bản đồ địa giới hành chính và cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng  TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KN (2). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO/CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN/**

**CHẤP THUẬN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**

Kính gửi: …………………………………………......................[[1]](#footnote-1)

Tên tổ chức, cá nhân ………………………………………………………

Trụ sở/địa chỉ tại: …………………………………………………………

Điện thoại: ………………………. Fax: ……………………………………

Quyết định thành lập số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số.....cấp ngày.....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày.....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....(trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh …. số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân... cấp ngày... tháng… năm… do…. cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận/chấp thuận sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện…, tỉnh ……

Mục đích sử dụng: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển/ hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển)….

Diện tích khu vực biển sử dụng:... (ha), độ sâu sử dụng:...m, từ…m đến….m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ …(tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm hoặc một lần) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp quy định tại Điều 31 Nghị định này)………..

(Tên tổ chức, cá nhân) … cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày … tháng … năm ……*  **Tổ chức, cá nhân làm đơn** *(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ...** |  |

Mẫu số 05

**SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN**

**ĐỀ NGHỊ GIAO, CÔNG NHẬN, TRẢ LẠI; GIA HẠN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN;**

**CHẤP THUẬN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN/ NHẬN CHÌM Ở BIỂN**

Để thực hiện (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển)….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Điểm góc | Hệ tọa độ VN-2000  Kinh tuyến trục... múi chiếu... | | | | | Tọa độ địa lý  (độ, phút, giây) | | Tọa độ  vuông góc | | | Vĩ độ | Kinh độ | X(m) | Y(m) | | 1 |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  | | … |  |  |  |  | | n |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | | Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng (ha) | | | |  | | Độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng (m) | | | |  | | Độ cao khu vực biển đề nghị sử dụng (m) (nếu có) | | | |  |   **Ghi chú:** Sơ đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:  - Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng;  - Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).  - Vị trí khu vực biển cách bờ biển hoặc bờ đảo….km.  - Tại khu vực biển ….., cấp xã ..…, cấp huyện ….., cấp tỉnh …  - Các tọa độ được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số. | Description: MAU - GIAO BIEN-them do cao  - Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiếu... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ .... tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm... )  - Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...  **Chú giải:** Khu vực biển được giao  Đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm  Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có) |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN… -------** | **Mẫu số 09** |

**SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN GIAO CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**Để thực hiện (loại hoạt động)……………..  
Tại khu vực biển ….., cấp xã ….., cấp huyện…….., cấp tỉnh ……………………  
*(Kèm theo văn bản số …../BTNMT/UBND) ngày….tháng….năm…. của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp huyện…..)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Điểm góc | Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục…múi chiếu… | | | |  |  |
|  | Tọa độ địa lý (độ, phút, giây) | | Tọa độ vuông góc | |  |
|  | Vĩ độ | Kinh độ | X (m) | Y (m) |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |
|  | | | | | |
| Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng (ha) | | | |  |  |
| Độ sâu khu vực biển đề nghị sử dụng (m) | | | |  |  |  |
| Độ cao khu vực biển đề nghị sử dụng (m) (nếu có) | | | |  |  | - Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trục... múi chiếu... Hệ độ cao.... được ... xuất bản năm... hoặc tờ hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ .... tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)  - Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...  **Chú giải:**  Khu vực biển được giao  Đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm  Đường 3 hải lý (nếu có)  Đường 6 hải lý (nếu có) |
|  | | | |  |  |
| ***Ghi chú:*** Sơ đồ khu vực giao biển phải thể hiện các thông tin sau:  - Diện tích …ha, độ sâu khu vực biển được sử dụng….m  - Độ cao, vị trí, hình dáng công trình, thiết bị được sử dụng so với mặt nước biển….(m). Vị trí khu vực biển cách bờ biển hoặc bờ đảo….km.  - Tọa độ, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số. | | | | |  |

**Mẫu số 12**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../BTNMT/UBND  V/v chấp thuận hoạt động  nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

Kính gửi: **………………………………..[[2]](#footnote-2)**

Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh nhận được Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển của…[[3]](#footnote-3)…..

Sau khi xem xét, Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh chấp thuận hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển, cụ thể như sau:

1. Chấp thuận cho .... được hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển với các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân được chấp thuận;

b) Mục đích hoạt động được chấp thuận sử dụng khu vực biển;

c) Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển

- Địa điểm khu vực biển: (xã, huyện, tỉnh) ……………………………….......

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi….. điểm góc; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển …..m (nếu có) thể hiện trên sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

d) Phương tiện, thiết bị, vật liệu nổ, hóa chất được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan được phép thực hiện (nếu có);

đ) Thời hạn được chấp thuận hoạt động…..,kể từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày .... tháng .... năm ....

2. (Tên tổ chức, cá nhân) …………………………………… có nghĩa vụ:

a) Sử dụng khu vực biển theo đúng mục đích, vị trí, tọa độ, diện tích, phạm vi, ranh giới, độ cao được chấp thuận.Không được tiến hành hoạt động khác ngoài các hoạt động theo nội dung đã được chấp thuận;

b) Tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn hàng hải; thiết lập khu vực an toàn hàng hải xung quanh các phương tiện, thiết bị; báo hiệu hàng hải; duy trì liên lạc và tuân thủ các quy định khác của pháp luật về hàng hải;

c) Không được làm ảnh hưởng đến hoạt động quốc phòng, an ninh và các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp trong vùng biển Việt Nam; không được mang vào vùng biển Việt Nam vũ khí, vật liệu nổ, hóa chất độc, các phương tiện, thiết bị khác có khả năng gây thiệt hại đối với người, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường biển, trừ trường hợp vật liệu nổ, hóa chất độc được cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho phép sử dụng để thực hiện hoạt động;

d) Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam trong trường hợp hoạt động gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển, hải đảo;

đ) Sau khi kết thúc hoạt động nghiên cứu khoa học, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên trên biển, tổ chức, cá nhân phải gửi báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển (cơ quan đã chấp thuận hoạt động); trong thời hạn không quá 30 ngày, trừ trường hợp bất khả kháng, phải hoàn thành việc tháo dỡ các phương tiện, thiết bị đã sử dụng, lắp đặt tại khu vực biển. Báo cáo kết quả phải bao gồm các nội dung chính: các hoạt động đã tiến hành; nêu rõ vị trí khoan, lấy mẫu, phương thức lấy mẫu, loại mẫu (nếu có); thông tin, dữ liệu đã thu thập, xử lý; những sản phẩm, kết quả quan trọng thu được từ các hoạt động;

e) Tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về biển, hàng hải, hàng không, hải quan, thuế, lao động, y tế, xuất nhập cảnh, quốc phòng, an ninh và các quy định khác có liên quan.”

f) ……………………………………………………………………….............

3. Về trách nhiệm kiểm tra, giám sát

(Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh/Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện....) có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều....; - BTNMT/TCBHĐVN; - Sở TNMT tỉnh ...; - UBND huyện..; - Phòng TNMT..; - Tên tổ chức, cá nhân; - Lưu: VT, HS. | **BỘ TRƯỞNG/(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN/CHỦ TỊCH)** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 13**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN GIAO THỰC ĐỊA**

Thực hiện Quyết định số ……………..ngày ......tháng.....năm của…....[[4]](#footnote-4).......về việc …[[5]](#footnote-5)…., hôm nay ngày ..... , tại .........., thành phần gồm:

I. Đại diện cơ quan tài nguyên và môi trường:

…………………………………………………………………..........................

II. Đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh/huyện....

………………………………………………………………………...................

III. Bên được nhận bàn giao khu vực biển trên thực địa:

…………………………………………………………………….......................

IV. Các bên tiến hành bàn giao khu vực biển trên thực địa, cụ thể như sau:

1. Giao khu vực biển trên thực địa cho …[[6]](#footnote-6)….. …………......................................

2. Mục đích sử dụng khu vực biển:……………………………………………...

3. Địa điểm khu vực biển: (xã, huyện, tỉnh) …………………………………....

4. Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha), độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi….. điểm góc; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển …..m (nếu có) thể hiện trên sơ đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

Biên bản lập hồi.... giờ... phút cùng ngày, đã đọc cho các bên tham dự cùng nghe, nhất trí thông qua ký tên dưới đây.

Biên bản này lập thành ... bản có giá trị như nhau, gửi ...................../.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ĐẠI DIỆN CQTNMT  *(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | ĐẠI DIỆN UBND  *(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | BÊN NHẬN KHU VỰC BIỂN  *(ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)* |

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao/công nhận/chấp thuận sử dụng khu vực biển. [↑](#footnote-ref-1)
2. ,3 Tổ chức, cá nhân có Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển [↑](#footnote-ref-2)
3. [↑](#footnote-ref-3)
4. Ghi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi trích yếu Quyết định. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển. [↑](#footnote-ref-6)